

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 25 - 3 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung và nợ chung
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái;

Ông Phạm Văn Tuệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 12/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 04/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hoàng Thị Phương T, cư trú tại: Khu tái định cư đường Đ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Thị Nguyễn P; Luật sư Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phan Anh T, cư trú tại: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Đăng T; cư trú tại: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N (đã chết ngày 06 tháng 12 năm 2020);

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N: Ông Phan Đăng T; anh Phan Thanh S; anh Phan Anh T; đều cư trú tại: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Thanh S; anh Phan Anh T: Ông Phan Đăng T; cư trú tại: Đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 09/3/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Đăng T: Ông Nguyễn Tài H; Luật sư Văn phòng Luật sư N; địa chỉ: Đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Đặng Văn H, cư trú tại: Đường Đ, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Đặng Văn Q; bà Đặng Thị N; đều cư trú tại: Thôn P, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Mộng L; vắng mặt.

2. Bà Triệu Thị Hồng V; có mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

3. Anh Lương Văn T; cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Vi Xuân B; cư trú tại: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Phan Anh T là bị đơn; ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N (đã chết) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T đăng ký kết hôn vào ngày 06/11/2013 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, quá trình chung sống có 02 người con chung là cháu Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 02/5/2014, hiện đang ở cùng anh Phan Anh T và cháu Phan Hoàng Nhật M, sinh ngày 24/8/2017, đang ở với chị Hoàng Thị Phương T.

Theo chị Hoàng Thị Phương T, sau khi kết hôn anh Phan Anh T không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 01 năm 2019 chị phát hiện anh Phan Anh T có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Hoàng Thị Phương T yêu cầu xin ly hôn với anh Phan Anh T và yêu cầu được nuôi con chung là cháu Phan Hoàng Nhật M, còn cháu Phan Hoàng Gia B sẽ cho anh Phan Anh T nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung chị Hoàng Thị Phương T xác định tài sản chung của hai vợ chồng gồm 01 thửa đất có diện tích là 88m² thuộc thửa đất số 1490, tờ bản đồ số 35 bản đồ địa chính xã M (ô đất số 07, lô N9) đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 354212 mang tên hộ ông Phan Anh T vào năm 2018 (sau đây viết tắt là thửa đất số 1490) và tài sản hai vợ chồng đã đầu tư vào “Quán B”, chị Hoàng Thị Phương T yêu cầu chia đôi giá trị tài sản trong quán theo kết quả định giá mà Tòa án đã tiến hành còn quán để anh Phan Anh T quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Tháng 9/2016, chị cho bố mẹ chồng là ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N vay 450.000.000 đồng để mua nhà, trong đó có 200.000.000 đồng là tiền của vợ chồng tích góp, còn 250.000.000 đồng chị mượn của bố mẹ đẻ của chị, hiện chị yêu cầu ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền 350.000.000 đồng.

Anh Phan Anh T thừa nhận thửa đất số 1490 là tài sản chung của hai vợ chồng, có nguồn gốc đất là của bố mẹ anh được bồi thường khi bị thu hồi đất nên anh yêu cầu chia làm 3 phần cho anh, chị Hoàng Thị Phương T và bố mẹ anh mỗi người một phần sau khi trừ đi tiền thuế đất còn nợ là 330.000.000 đồng và yêu cầu được sử dụng đất và có trách nhiệm trả tiền cho chị Hoàng Thị Phương T. Còn đối với quán ăn “Quán B” không phải của vợ chồng anh mà do bố mẹ anh vay 400.000.000 đồng của Ngân hàng bỏ ra đầu tư, xây dựng, vợ chồng anh chỉ hộ quản lý, trông coi quán, không có đóng góp gì khi bố mẹ mở quán ăn này, còn đất làm quán là do bố anh đứng tên thuê và thanh toán tiền

thuê. Năm 2016 do anh bị mất chứng minh thư nhân dân nên đã để vợ anh đứng tên trên hợp đồng thuê đất, đến khi hết thời hạn thuê đất bố anh đứng tên ký lại hợp đồng thuê đất mở quán từ 11/2019 và quán hiện do anh quản lý. Đối với khoản nợ chung anh Phan Anh T không thừa nhận, bản thân vợ chồng anh chỉ không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Đăng T, bà Nguyễn Thị N đều có ý kiến cho rằng thửa đất 1490 là tài sản chung của vợ chồng anh Phan Anh T, tuy nhiên tài sản này hình thành do gia đình ông bà bị thu hồi đất nên được phân cho 2 lô đất tái định cư và đã chia cho anh Phan Anh T và chị Hoàng Thị Phương T nên đề nghị Tòa án chia giá trị thửa đất làm 3 phần. Đối với yêu cầu chia quán ăn “Quán B” ông bà không đồng ý, do đây không phải tài sản chung của chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T. Về khoản nợ 450.000.000 đồng chị Hoàng Thị Phương T đòi ông bà là không đúng và không đồng ý trả lại số tiền này.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/8/2020, Tòa án cấp sơ thẩm và Hội đồng định giá xác định được thửa đất 1490, có diện tích 88m², giá thị trường là 18.000.000 đồng/m², tổng trị giá là 1.584.000.000 đồng và trị giá các đồ dùng, vật dụng tại “Quán B” là 138.203.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ các Điều 33, 38, 55, 57, 58; 59, 64, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 213; 280; 357; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 35, 39; khoản 2, 4 Điều 147; khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 24; điểm a, b, c khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T. (Giấy chứng nhận kết hôn số 129/2013, quyền số 01/2013, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L ngày 06/11/2013).

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T có 02 con chung là cháu Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 02/5/2014 và Phan Hoàng Nhật M, sinh ngày 24/8/2017. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T về con chung, cụ thể: Chị Hoàng Thị Phương T

có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Hoàng Nhật M; anh Phan Anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Hoàng Gia B đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con, cả hai có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung:

3.1. Xử giao toàn bộ tài sản trên đất tại quán “Quán B” tại các ô đất số 13a, 14a, 15a, diện tích mỗi ô là $85m^2$, thuộc khu đô thị P4 (lô 1K.A1) tại khối 6 phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho anh Phan Anh T quản lý, sở hữu, sử dụng, gồm: 01 nhà tạm mái lợp tôn, bán mái trước nhà tạm, 01 bàn gầy gỗ nghiêng, 01 ti vi 32inch hiệu SONY, 02 loa hiệu BMB, 02 tủ lạnh SANAKY, 01 téc nước hiệu Tân Á 1m³, 02 chiếc quạt điều hòa đã hỏng, 02 chiếc quạt công nghiệp, 03 kệ bếp mặt đá khung sắt, 02 chiếc kệ để đồ khung sắt mặt gỗ, 01 biển hiệu quán đặt ngoài ngõ khung sắt, 17 chiếc bàn gỗ (vừa khung sắt, vừa khung gỗ), 58 chiếc ghế gỗ, 76 chiếc ghế nhựa, 02 chiếc bếp ga công nghiệp đã hỏng, 25 chiếc bếp ga mini ...có tổng trị giá là 138.203.000đ (một trăm ba mươi tám triệu hai trăm linh ba ngàn đồng); buộc anh Phan Anh T có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thị Phương T 1/2 giá trị tài sản, tương ứng với số tiền là 69.101.500đ (sáu mươi chín triệu một trăm linh một ngàn năm trăm đồng).

3.2. Xử giao cho chị Hoàng Thị Phương T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 1490, tờ bản đồ số 35, diện tích $88m^2$ tại khu tái định cư M, thành phố L, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phan Anh T vào năm 2018, trên đất không có tài sản gì.

Tổng giá trị tài sản chị Hoàng Thị Phương T được nhận là 1.584.000.000đ. Chị Hoàng Thị Phương T có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất với Nhà nước (nộp tại cơ quan Thuế thành phố L) với số tiền là 330.000.000đ (ba trăm ba mươi triệu đồng) và thanh toán cho anh Phan Anh T số tiền 627.000.000đ (sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng) là giá trị $\frac{1}{2}$ thửa đất sau khi trừ đi tiền sử dụng đất.

Đối trừ nghĩa vụ thanh toán về tài sản chung giữa chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T. Xác định tổng số tiền chị Hoàng Thị Phương T còn phải thanh toán cho anh Phan Anh T là 557.898.500đ (năm trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn năm trăm đồng).

4. Về nợ: Buộc ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị Phương T số tiền 350.000.000đ và trả cho anh Phan Anh T số tiền 100.000.000đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm có quyết định về nghĩa vụ trả lãi chậm trả, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định, anh Phan Anh T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia thửa đất 1490 thành 03 phần bằng nhau, anh Phan Anh T được hưởng 2/3; không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị của quán ăn Quán B; không có việc vay nợ tiền giữa bố mẹ với chị Hoàng Thị Phương T và chị Hoàng Thị Phương T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Ông Phan Đăng T, bà Nguyễn Thị N cùng kháng cáo yêu cầu chia thửa đất số 1490 thành 3 phần bằng nhau, anh Phan Anh T được hưởng 2/3 giá trị đất; tài sản tại quán ăn Quán B thuộc quyền sở hữu của ông bà và không chấp nhận trả khoản tiền 350.000.000 đồng cho chị Hoàng Thị Phương T, ngoài ra còn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc chị Hoàng Thị Phương T phải chịu chi phí tố tụng của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Anh T, ông Phan Đăng T và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N do ông Phan Đăng T làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông Phan Đăng T đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Phan Đăng T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của chị Hoàng Thị Phương T đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn Q, bà Đặng Thị N, anh Phan Thanh S. Xét thấy, họ đã có ủy quyền và các bản khai trong hồ sơ vụ án; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự đề nghị vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, phía gia đình ông Phan Đăng T đã cung cấp cho Tòa án trích lục khai tử của bà Nguyễn Thị N, đã chết ngày 06/12/2020, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành bổ sung người tham gia tố tụng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N gồm: Ông Phan Đăng T, anh Phan Thanh S và anh Phan Anh T theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự và những người này đã có ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Phan Đăng T.

[3] Về quan hệ hôn nhân và con chung: Bản án sơ thẩm đã xem xét đến tình trạng hôn nhân, tình cảm vợ chồng của anh Phan Anh T và chị Hoàng Thị Phương T để xử cho chị Hoàng Thị Phương T được ly hôn là phù hợp; về con chung đã giao cho chị Hoàng Thị Phương T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Hoàng Nhật M; anh Phan Anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Hoàng Gia B đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi theo sự tự nguyện thỏa thuận của chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T là phù hợp với quy định pháp luật; chị Hoàng Thị Phương T và anh Phan Anh T đều không có kháng cáo; Viện Kiểm sát nhân dân không có kháng nghị nên quyết định về phần này đã có hiệu lực pháp luật và không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của anh Phan Anh T, ông Phan Đăng T và những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N về việc đề nghị chia thừa đất 1490 thành 3 phần, anh Phan Anh T được hưởng 2/3 giá trị tài sản nhận thấy:

[5] Thừa đất 1490, có diện tích 88m², hiện chưa có tài sản gì trên đất; đây là tài sản do Nhà nước giao cho hộ ông Phan Anh T theo Quyết định số 5047/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND thành phố L về việc giao đất, tiền sử dụng đất hộ ông Phan Anh T vẫn đang nợ số tiền là 330.000.000 đồng và đã được UBND thành phố Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/4/2019 cho hộ ông Phan Anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Phương T, anh Phan Anh T cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan khác đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng anh Tuấn và chị Thảo, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chia $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất cho anh Phan Anh T và chị Hoàng Thị Phương T mỗi người một phần bằng nhau, chị Hoàng Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản cho anh Phan Anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng năm 2013 khi vợ chồng anh Phan Anh T và chị Hoàng Thị Phương T kết hôn và sinh sống cùng với bố mẹ chồng là ông Phan Đăng T, bà Nguyễn Thị N tại ngôi nhà số 191 đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; năm 2014, anh Phan Anh T và chị Hoàng Thị Phương T tách khẩu nhưng vẫn ở chung với bố mẹ chồng, đến năm 2016 khi Nhà nước thu hồi thửa đất trên thì gia đình ông Phan Đăng T và anh Phan Anh T được bồi thường phân 02 lô đất tái định cư, trong đó có thửa đất số 1490. Tại Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước các hộ gia đình đang sử dụng đất ở thì tùy thuộc vào diện tích đất bị thu hồi và quỹ đất hiện có của Nhà nước, người dân sẽ được bồi thường số lượng suất tái định cư phù hợp. Do đó, Nhà nước giao cho hộ anh Phan Anh T tại thời điểm bị thu hồi gồm anh Phan Anh T, chị Hoàng Thị Phương T và con chung. Như vậy, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào công sức đóng góp cũng như nhu cầu sử dụng, đã xử chia cho anh Phan Anh T, chị Hoàng Thị Phương T mỗi người $\frac{1}{2}$ trị giá quyền sử dụng đất, sau khi trừ tiền sử dụng đất, đồng thời giao quyền sử dụng đất cho chị Hoàng Thị Phương T để ổn định cuộc sống, có điều kiện nuôi dưỡng con chung là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp.

[6] Đối với kháng cáo của ông Phan Đăng T, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N yêu cầu xác định tài sản của quán ăn “Quán B” là tài sản của ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Phương T trình bày chị là người đứng ra kinh doanh quán ăn từ tháng 11 năm 2016, chị vừa quản lý, vừa là đầu bếp của quán ăn, là người chủ sử dụng quán ăn, không liên quan gì đến bố mẹ chồng là ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N. Xét thấy, lời khai của chị Hoàng Thị Phương T phù hợp với lời khai của nhân viên làm việc tại quán ăn là anh Lương Văn T và Vi Xuân B về việc quản lý, điều hành quán ăn “Quán B”; phù hợp với nội dung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với thời hạn thuê từ ngày 15/10/2016 cho đến 15/11/2019 giữa chị Hoàng Thị Phương T với người chủ sử dụng thửa đất tại địa điểm của quán ăn “Quán B”; mặt khác, ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N cũng thừa nhận bản thân ông bà không nắm được hoạt động cũng như doanh thu của quán ăn. Do đó, có căn cứ để xác định quán ăn “Quán B” là do chị Hoàng

Thị Phương T, anh Phan Anh T tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, hiện anh Phan Anh T đang quản lý sử dụng quán ăn nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao tài sản của quán ăn cho anh Phan Anh T và anh Phan Anh T có trách nhiệm thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản của quán ăn tương ứng với số tiền 69.101.500 đồng là có căn cứ, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phan Đăng T, bà Nguyễn Thị N về nội dung này.

[7] Về khoản nợ 450.000.000 đồng, chị Hoàng Thị Phương T cho rằng khoảng tháng 9 năm 2016 đã cho ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N vay với mục đích mua nhà tại số 102a đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn khi bị nhà nước thu hồi đất tại địa điểm đang ở số 191 đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; trong đó có 200.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng chị; 250.000.000 đồng là tiền riêng do chị vay mượn của bố mẹ đẻ; chứng minh cho yêu cầu của mình, chị Hoàng Thị Phương T đã cung cấp 02 chứng từ giao dịch rút tiền tiết kiệm tại Ngân hàng chi nhánh L vào ngày 19/9/2016 tại hai sổ tiết kiệm với tổng số tiền là 200.000.000 đồng và các bản ảnh sao chụp tin nhắn trao đổi giữa chị Hoàng Thị Phương T với ông Phan Đăng T, anh Phan Anh T với nội dung thừa nhận có vay chị Hoàng Thị Phương T với số tiền hơn 400.000.000 đồng, người chuyển nhượng nhà đất cho ông Phan Đăng T và bà Nguyễn Thị N cũng xác nhận thời điểm chuyển nhượng nhà đất là khoảng tháng 9 năm 2016. Như vậy, sau khi đã phân chia số tiền chung của vợ chồng chị, cấp sơ thẩm xử buộc ông Phan Đăng T, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị Phương T 350.000.000 đồng là có căn cứ.

[8] Về chi phí tố tụng: Do các đương sự không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Trong trường hợp định giá để chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia. Như vậy, Tòa án sơ thẩm xác định tổng chi phí định giá là 4.500.000 đồng chị Hoàng Thị Phương T đã tạm ứng, nay anh Phan Anh T phải hoàn trả cho chị Hoàng Thị Phương T $\frac{1}{2}$ chi phí định giá tương ứng 2.250.000 đồng là phù hợp.

[9] Về án phí: Do kháng cáo của anh Phan Anh T, bà Nguyễn Thị N không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng sung ngân sách Nhà nước, nhưng do bà Nguyễn Thị N đã chết, ông Phan Đăng T là đại diện của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà Nguyễn Thị N đã nộp sẽ được trả lại cho ông Phan Đăng T làm đại diện

[10] Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Anh T, bà Nguyễn Thị N, ông Phan Đăng T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm :

2.1. Anh Phan Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng sung ngân sách Nhà nước; xác nhận anh Phan Anh T đã nộp đủ số tiền theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0002452 ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục T thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Ông Phan Đăng T được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả số tiền 300.000 đồng dự phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2015/0002451 ngày 20/10/2020 mang tên người nộp là bà Nguyễn Thị N tại Chi cục T thành phố L, tỉnh Lạng Sơn cho những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N do ông Phan Đăng T làm đại diện.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố Lạng Sơn;
- Chi cục T thành phố L;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

Lê Xuân Sơn